**TIẾT 29,30 VĂN BẢN 3**

**MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA**

**(Hoài Thanh)**

1. **MỤC TIÊU**
2. **Về kiến thức**

* Học sinh nhận biết và phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản.
* Học sinh nhận biết và phân tích được các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng cũng như mối quan hệ giữ chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
* Học sinh nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết, vai trò của các yếu tố thuyết minh, biểu cảm trong văn nghị luận.
* Học sinh liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học,…) của thời kỳ 1930 – 1945 để hiểu văn bản sâu sắc hơn.

1. **Về năng lực:**

+ Năng lực thu thập thông tin về tác giả Hoài Thanh và thể loại Phê bình văn học.

+ Năng lực đọc – hiểu một văn bản phê bình văn học

+ Năng lực hợp tác khi tạo lập một văn bản nghị luận văn học

1. **Về phẩm chất**

**-** Có thái độ sống trung thực, trách nhiệm với cộng đồng và đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Bằng máy tính, ti vi, phiếu học tập

**2. Học liệu:** Chân dung của tác giả Hoài Thanh, ảnh bìa cuốn sách “Thi nhân Việt Nam”

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

1. **Kiếm tra bài cũ:**

**GV:** Gọi 1 đến 2 học sinh trình bày bài viết

Trình bày bài viết 150 chữ trình bày điều bạn thấy tâm đắc khi đọc văn bản “Tôi có một ước mơ” của Mác – tin – Lu – Thơ Kinh.

**HS**: trình bày

**GV**: Nhận xét và cho điểm

1. **Bài mới: dẫn vào bài**

*“Cuộc đời của Hoài Thanh từ thuở thiếu thời cho đến lúc trái tim ngừng đập là một chuỗi dài của những cuộc tìm kiếm đầy thích thú mê say cái hay và vẻ đẹp của văn chương. Như một nhà địa chất cần mẫn và yêu nghề, Hoài Thanh đã phát hiện được không ít vàng ngọc của thơ ẩn trong lớp bụi thời gian hoặc trong các mạch chìm nổi của cuộc đời, nhất là trong hiện tại” (Từ Sơn). Và cũng đúng như lời thơ bất hủ của Nguyễn Du: “Sống là thể phách, thác là tinh anh”, với Hoài Thanh, cái tinh anh mà ông để lại cho đời chính là những tác phẩm phê bình văn học tài hoa và tinh tế, mà đỉnh cao là cuốn “Thi nhân Việt Nam”. Đoạn trích “Một thời đại trong thi ca” là đoạn trích tiêu biểu cho tài năng thẩm bình văn học của con người tài hoa này.*

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú, tâm thế để tiếp cận nội dung của bài học

**b. Nội dung:** HS quan sát trên ti vi/ máy chiếu 2 văn bản Bài thơ *Qua đèo ngang* của Bà Huyện Thanh Quan và bài *Mùa xuân chín* của Hàn Mặc Tử

**c. Sản phẩm:**

**-** Nhận biết được điểm khác nhau giữa hai bài thơ

- Phản ánh được nội dung bài học được gợi mở

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV:** Chiếu 2 bài thơ *Qua đèo ngang* và *Mùa xuân chín*  *HS: Quan sát và đọc thầm*  *GV: Gọi 1 hs đọc thành tiếng*  GV đặt câu hỏi:   * Nhìn từ phương diện hình thức, em hãy cho biết sự giống nhau và khác nhau giữa hai bài thơ? * Em có bao giờ băn khoăn về cái cũ, cái mới, cũ mới cùng tồn tại và phát triển?   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Hs suy nghĩ, bàn bạc thảo luận  **B3. Báo cáo thảo luận:**  **GV:** Gọi 2-3 hs trả lời (ưu tiên hs giơ tay phát biểu)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Gv thâu tóm vấn đề và gợi mở vấn đề cần chú ý | **\* So sánh hai bài thơ:**  **-Về hình thức:**  **+** Thơ trung đại mang tính qui phạm, qui định nghiêm về niêm, luật, hình anhrmang nặng tính ước lệ, công thức…  + Thơ mới không sử dụng nhiều hệ thống ước lệ, thoát khỏi lỗi diễn đạt theo qui tắc cứng nhắc, ngôn ngữ gần với lời nói cá nhân, hình ảnh gần với đời sống …  **-Về nội dung:**  **+**Thơ trung đại thường bày tỏ nỗi lòng qua thiên nhiên, cái nhìn hoài cổ, khuôn mẫu  +Thơ mới có cái nhìn phóng khoáng, tự do bày tỏ “cái tôi” cá nhân trước cuộc sống  **-Những băn khoăn phân biệt cái mới và cái cũ**  + Khó để phân biệt rạch ròi giữa cũ và cái mới.  + Cái cũ được xem như quá khứ, cái mới được xem hiện tại. Cái mới được phát triển trên nền tảng cái cũ  + Cần phải có thái độ trân trọng cái cũ, phát triển cái mới |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Đọc và tìm hiểu chung về tác giả, văn bản**

**a. Mục tiêu**:

- Giúp HS biết cách đọc văn nghị luận góp phần phát triển năng lực văn học, ngôn ngữ

- Tìm hiểu chung về tác giả Hoài Thanh và văn bản: “Một thời đại trong thi ca”

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, điền phiếu học tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của cá nhân và nhóm, phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Các phiếu học tập:**

**Phiếu 1: Bảng tìm hiểu về tác giả Hoài Thanh**

|  |  |
| --- | --- |
| **Vị trí văn học – nghệ thuật** |  |
| **Phong cách sáng tác** |  |
| **Các tác phẩm** |  |

**Phiếu 2: Bảng tìm hiểu chung về văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Xuất xứ đoạn trích** |  |
| **Thể loại** |  |
| **Phương thức biểu đạt chính** |  |
| **Bố cục đoạn trích** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả Hoài Thanh và văn bản “Một thời đại trong thi ca”**  **\* Tác giả Hoài Thanh**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 1: Tìm hiểu về tác giả Hoài Thanh**  HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS hoàn thành phiếu học tập  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu và trình bày trước lớp  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV đánh giá phần trình bày của HS và chuẩn kiến thức  **\* Văn bản: “Một thời đại trong thi ca”**  **GV hướng dẫn cách đọc và tìm hiểu chú thích**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV hướng dẫn HS đọc văn bản**  **Thao tác 1: Đọc**  Đọc rõ ràng, rành mạch. Chú ý những chỗ ngắt đoạn, những phần sử dụng phương thức biểu cảm  **Thao tác 2: Tìm hiểu nhanh**  + HS tìm hiểu chú thích SGK  + HS trả lời nhanh các câu hỏi bên lề phải SGK  + GV chú ý hướng dẫn HS tìm hiểu nhan đề văn bản  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS đọc văn bản theo yêu cầu.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét cách đọc của HS.  GV hướng dẫn HS nghe mẫu một số đoạn tiêu biểu  **Thao tác 4: Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 2: Bảng tìm hiểu chung về văn bản**  HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS hoàn thành phiếu học tập  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu và trình bày trước lớp  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV đánh giá phần trình bày của HS | **I. Đọc, tìm hiểu chung về tác giả và văn bản**  **1. Tác giả Hoài Thanh**  **Phiếu 1: Bảng tìm hiểu về tác giả Hoài Thanh**   |  |  | | --- | --- | | **Vị trí văn học – nghệ thuật** | -- Là nhà phê bình văn học xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại:  *Đem đến cho văn học một phong cách phê bình riêng đặc sắc:*  *+ Sự uyên bác về tri thức*  *+ Sự tinh tế trong cảm thụ*  *+ Ngòi bút phê bình tinh tế, nhẹ nhàng, giàu chất thơ*  -Năm 2000, Hoài Thanh được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật | | **Phong cách phê bình** | *-* Thiên về thưởng thức, ghi nhận ấn tượng, hài hước hóm hỉnh  ***=> Lối phê bình* *“lấy hồn tôi để hiểu hồn người”.*** | | **Các tác phẩm** | *Văn chương và hành động*(viết chung với Lê Tràng và Lưu Trọng Lư, 1936)   * *Thi nhân Việt Nam* (viết chung với Hoài Chân, 1942) * *Có một nên văn hóa Việt Nam* (1946) * *Quyền sống của con người trong “Truyện Kiểu”của Nguyễn Du (1949).* * *Phê bình và tiểu luận* ( 3 tập – 1960,1965,1971) * …. |   **2. Văn bản: “Một thời đại trong thi ca”**  **a. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Đọc văn bản  - Chú thích chân trang SGK và chú thích SGK tr.88  **b. Tìm hiểu chung văn bản**  **Phiếu 2: Bảng tìm hiểu chung về văn bản**   |  |  | | --- | --- | | **Xuất xứ đoạn trích** | Tiểu luận mở đầu Thi nhân Việt Nam  => Sự khám phá và đánh giá đầu tiên; là công trình tổng kết có giá trị về phong trào thơ mới. | | **Thể loại** | Tiểu luận phê bình văn học | | **Phương thức biểu đạt chính** | Nghị luận | | **Bố cục đoạn trích** | **3 phần:**  + P1: “…nhìn vào đại thể”-> Nêu luận đề: Tinh thần Thơ mới  P2: “Cứ đại thể ….thanh niên”-> Các luận điểm, luận cứ, dẫn chứng, lí lẽ chứng minh vai trò, ý nghĩa của Tinh thân Thơ mới.  P3: Còn lại -> Con đường giải quyết bi kịch của các nhà thơ mới. | |

**Bảng kiểm kĩ năng đọc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo đọc đúng chính tả |  |
| **2** | Đảm bảo đọc tương đối diễn cảm, thể hiện được tính thuyết phục của văn nghị luận |  |
| **3** | Đảm bảo đọc diễn cảm, thể hiện rõ nét tính thuyết phục của văn nghị luận |  |
| **4** | Giúp người nghe hiểu sự công phu trong lao động nghệ thuật của nhà thơ |  |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết cách đọc văn bản nghị luận hiện đại: bố cục, luận đề, luận điểm; cách lập luận và dẫn chứng cụ thể.

- Giúp HS nắm được các đặc sắc về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản:

**Nội dung:**

- Hiểu được tinh thần Thơ mới trên cả hai bình diện: văn chương và xã hội.

- Học sinh nhận biết và phân tích được quan niệm về thơ mới và nhận thức được ý nghĩa thời đại của Thơ mới

**Nghệ thuật:**

- Hs hiểu được nét đặc sắc trong cách nghị luận của Hoài Thanh: Ngôn từ, Các biện pháp tu từ nghệ thuật, Cách triển khai các luẩn điểm, Văn phong ngắn gọn, cô đúc, hỏm hỉnh

**b. Nội dung:**

- HS thực hiện theo hướng dẫn của GV

- HS làm việc cá nhân kết hợp hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Xác định luận đề của văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **-**Em hãy xác định luận đề bài tiểu luận “Một thời đại trong thi ca”?  - Nhà phê bình Hoài Thanh đã nêu ra những luận điểm nào để làm sáng rõ luận đề “ Tinh thần thơ mới”?  HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS cặp đôi trao đổi thảo luận  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung và trình bày trước lớp  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV đánh giá phần trình bày của HS  -**Luận đề: Tinh thần Thơ mới**  **-** Gồm 3 luận điểm  LĐ 1: Con đường và nguyên tắc xác định Tinh thần Thơ mới.  LĐ 2: ***Tinh thần Thơ mới***  LĐ 3: ***Bi kịch cái tôi cá nhân và hướng giải quyết bi kịch***  **Thao tác 1: Thảo luận, phân tích cacs luận điểm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ từng nhóm (giao nhiệm vụ tìm hiểu trước ở nhà)**  **Nhóm 1: Phân tích, làm rõ nội dung lđ1: *Con đường và nguyên tắc xác định tinh thần Thơ mới:***  **Nhóm 2: Phân tích, làm rõ nội dung lđ2: Tinh thần Thơ mới**  **Nhóm 3: Phân tích, làm rõ nội dung lđ2: *Bi kịch cái tôi cá nhân và hướng giải quyết bi kịch***  **Nhóm 4: Nhận xét nội dung và nghệ thuật của văn bản**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS họp nhóm trao đổi, thảo luận trình bày bằng PP, giấy Ao hoặc video có lời thuyết trình  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS cử đại diện trình bày  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV đánh giá phần trình bày của HS và chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **Luận đề: Tinh thần thơ mới**  **1. Luận điểm 1: *Con đường và nguyên tắc xác định tinh thần Thơ mới:***  **1.1. Luận cứ: Con đường không hề dễ dàng, khó khăn và phức tạp.**  **- Lí lẽ:** Tác giả đưa ra hai giả thuyết:  + Giả thuyết thứ nhất: *“Giá các nhà thơ mới cứ viết những câu như hai câu vừa trích trên này thì tiện cho ta biết mấy.*  *“Hôm nay tôi đã chết trong người*  *Xưa hẹn nghìn năm yêu mến tôi.”*  + Giả thuyết thứ hai: “*Giá trong thơ cũ chỉ có những trần ngôn sáo ngữ, những bài thơ chúc tụng, những bài thơ vịnh hết cái này đến cái nọ, mà các nhà thơ mới lại chỉ làm những bài kiệt tác thì cũng tiện cho ta biết mấy.”*  **-Dẫn chứng:***Tác giả đưa ra dẫn chứng bằng cách so sánh:*  + Thơ Xuân Diệu:  “ Người *giai nhân*: *bến* đợi dưới cây già;  Tình *du khách*: *Thuyền* qua không buộc chặt.”  Thơ mới: hình ảnh ước lệ cổ điển.  + Thơ Hồ Xuân Hương / Bà Huyện Thanh Quan:  “ *Ô hay!* Cảnh cũng *ưa* người nhỉ!  Ai thấy ai mà chẳng *ngẩn ngơ?*”  **=> Thơ cũ: giọng trẻ trung, hiện đại.**  **Tiểu kết:** Con đường để xác định tinh thần của Thơ mới là rất khó khăn:  + Ranh giới giữa Thơ mới và thơ cũ không phải lúc nào cũng rõ ràng, dễ nhận ra.  + Trong cả thơ mới và thơ cũ đều đan xen cả những bài hay, bài dở.  **1.2Luận cứ 2: *Nguyên tắc xác định tinh thần Thơ mới:***   * **Dẫn chứng**   ***+*Nguyên tắc thứ nhất:** Dẫn chứng: Khốn nỗi, cái tầm thường, cái lố lăng chẳng phải của riêng một thời nào và muốn hiểu tinh thần thơ cho đúng đắn, phải sánh bài hay với bài hay vậy.”  ***-> Phương pháp so sánh bài hay với bài hay.***  ***+*Nguyên tắc thứ hai:** “Trời đất không phải dựng lên cùng một lần với thế hệ chúng ta. Hôm nay đã phôi phai từ hôm qua và trong cái mới vẫn còn rớt lại ít nhiều cái cũ. Các thời đại vẫn liên tiếp cùng nhau và muốn rõ đặc sắc mỗi thời phải nhìn vào đại thể.”  ***-> Cái nhìn bao quát, biện chứng nhiều chiều.***  ***Kết luận:*** Nguyên tắc xác định tinh thần Thơ mới: Chỉ căn cứ vào cái hay, không căn cứ vào cái dở; chỉ căn cứ vào đại thể, không căn cứ vào tiểu tiết   * **Nhận xét cách lập luận của tác giả:**   Cách nêu luận điểm rõ ràng, mới mẻ, khoa học; dẫn chứng tiêu biểu, lập luận theo lối quy nạp rất chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.  **2.Luận điểm 2.Tinh thần Thơ mới**  **2.1.Luận cứ 1. Định nghĩa:** Tinh thần Thơ mới bao gồm trong **chữ tôi**, bản chất chữ tôi chính là **quan niệm cá nhân** được hiểu theo nghĩa tuyệt đối của nó.  *-Dẫn chứng:“Cứ đại thể thì tất cả tinh thần thời xưa – hay thơ cũ – và thời nay – hay thơ mới – có thể gồm lại trong hai chữ tôi và ta. Ngày trước là thời chữ ta, bây giờ là thời chữ tôi. Nói giống nhau thì vẫn có chỗ giống nhau như chữ tôi vẫn giống chữ ta. Nhưng chúng ta hãy tìm những chỗ khác nhau.”*  **- So sánh, giải thích:**  **+Tinh thần của thời xưa – thơ cũ-> Chữ ta ->Cái chung ->Ý thức cộng đồng**  **+ Tinh thần của thời nay – thơ mới -> Chữ tôi -> Cái riêng ->Ý thức cá nhân**  **Dẫn chứng, so sánh**   |  |  | | --- | --- | | **THƠ CŨ** | **THƠ MỚI** | | Chủ yếu là chữ ta (Chữ tôi nếu có phải ẩn mình sau chữ ta).   * Thường đề cập đến những tình cảm chung, mang tính cộng đồng, ít có bài thơ thể hiện tính cá nhân, nếu có thì chưa quyết liệt mạnh mẽ. * Chưa có ý thức tạo nên phong cách cá nhân * Ảnh hưởng của tư tưởng phương Đông | * Xuất hiện chữ tôi với ý nghĩa tuyệt đối của nó -> Sự trỗi dậy, bùng nở của ý thức cá nhân * Người viết trực tiếp bày tỏ những cảm xúc, tình cảm riêng tư cá nhân * Ý thức khẳng định tài năng, vị trí cá nhân -> Xuất hiện hàng loạt phong cách thơ * Ảnh hưởng của tư tưởng phương Tây |   **Nhận xét:**  - *Tác giả đã bắt đúng mạch chính của 2 dòng chảy thi ca (thơ cũ – thơ mới; thơ trung đại – thơ hiện đại)*  *-Phát hiện đúng cái gốc của sự khác biệt*  *-Cách thâu tóm ngắn gọn, rõ ràng*  **1.2. Luận cứ 2: Hành trình của cái Tôi (cá nhân trong nghĩa tuyệt đối của nó)**  ***- Dẫn chứng****: “Ngày thứ nhất – ai biết đích ngày nào – chữ tôi xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, nó thực bỡ ngỡ. Nó như lạc loài nơi đất khách. Bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân...”*  *“Bởi vậy cho nên, khi chữ tôi, với cái nghĩa tuyệt đối của nó, xuất hiện giữa thi đàn Việt nam, bao nhiêu con mắt nhìn nó một cách khó chịu...”*  *“Nhưng, ngày một ngày hai, nó mất dần cái vẻ bỡ ngỡ. Nó được vô số người quen. Người ta lại còn thấy nó đáng thương. Mà thật nó tội nghiệp quá.”*  ***-Kết luận rút ra:*** *Hình tượng hóa cái tôi có dáng vẻ, điệu bộ, cảnh ngộ như một con người:Cô đơn, lạc loài, bỡ ngỡ, tuyệt vọng*  *3.***Luận điểm 3: *Bi kịch cái tôi cá nhân và hướng giải quyết bi kịch***  **3.1. Luận cứ 1: Bi kịch cái tôi cá nhân**  **a.Bi kịch thứ nhất:**  **“***Thi nhân ta cơ hồ đã mất hết cái cốt cách hiên ngang ngày trước. Chữ ta với họ to rộng quá. Tâm hồn của họ chỉ vừa thu trong khuôn khổ chữ tôi................. Nhưng ta trách gì Xuân Diệu! Xuân Diệu, nhà thơ đại biểu đầy đủ nhất cho thời đại, chỉ nói cái khổ sở, cái thảm hại của hết thảy chúng ta.”*  **- Bi kịch mất hết cốt cách hiên ngang ngày trước:**  *+ Không có khí phách ngang tàng như Lí Bạch*  *+ Không có lòng tự trọng sinh cảnh cơ hàn như Nguyễn Công Trứ*  *+ Rên rỉ, khổ sở, thảm hại.*  **b. Bi kịch thứ hai:**  ***“****Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ tôi. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận.”*  **+** Bi kịch “mất bề rộng”: Không tìm được tiếng nói chung với cuộc đời, không tìm được sự giao thiệp  + “Ta đi tìm bề sâu: Trốn vào ý thức cá nhân, thoát li cuộc đời theo các xu hướng thoát li.  + “Càng đi sâu càng lạnh”:Cành muốn vượt thoát thì cuối cùng càng bế tắc, cô đơn.  **=> *Buồn, cô đơn, bế tắc->* *Chính sự thoát li theo các xu hướng đã đưa đến sự “nở rộ” của phong cách thơ.***  **- Nghệ thuật lập luận: sử dụng *Điệp từ, liệt kê, diễn đạt tinh tế, tài hoa, lập luận chặt chẽ, giàu cảm xúc, hấp dẫn lôi cuốn người đọc***  **c. Bi kịch thứ ba:**  *“Thời trước, dầu bị oan khuất như Cao Bá Nhạ, dầu bị khi bỏ như cô phụ trên bến Tầm Dương, vẫn còn có thể nương tựa vào một cái gì không di dịch. Ngày nay lớp thành kiến phủ trên linh hồn đã tiêu tan cùng lớp hoa hoè phú trên thi tử. Phương Tây đã giao trả hồn ta lại cho ta. Nhưng ta bàng hoàng vì nhìn vào đo ta thấy thiếu một điều, một điều cần hơn trăm nghìn điều khác: một lòng tin đầy đủ.”*  ***-> Bi kịch thiếu một lòng tin đầy đủ vào thực tại, tìm cách thoát li nhưng lại rơi vào bi kịch không thể nương tựa vào một cái gì đó, không thể di dịch như thuở trước***  **3.2. Luận cứ 2: Giải quyết bi kịch**  *“Bi kịch ấy họ gửi cả vào tiếng Việt. Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ, là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua. Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tấm hồn bạch chung để gửi nỗi băn khoăn riêng.........”*  -Nghệ thuật lập luận: Vận dụng các BPTT như: Điệp cấu trúc “chưa bao giờ...”, giọng văn đồng cảm, chia sẻ từ đó dưa ra Giải pháp cho những bi kịch trên: gửi tình yêu vào tiếng Việt  -> Đánh giá các giải pháp:   * Tấm lòng trân trọng, tình yêu tha thiết với tiếng Việt * Thể hiện sức sống lâu bền của tiếng Việt * Tạo ra mối liên hệ giữa tiền nhân – hậu thế   => Tấm lòng yêu nước của các nhà thơ mới. |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hướng dẫn HS tổng kết***  ***Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập.***  ***Nội dung thảo luận nhóm 4***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ  ***Bước 3: Báo cáo kết quả***  - HS báo cáo kết quả làm việc, lớp theo dõi đánh giá, nhận xét và bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn.  ***Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV nhận xét đánh giá kết quả của HS theo Dự kiến sản phẩm. | ***III. Tổng kết văn bản***  **1. Nội dung**  - Khẳng định sự thắng lợi của Thơ mới, ủng hộ mặt tích cực, lí giải bi kịch cái Tôi, cách giải quyết bi kịch của cái tôi trong Thơ mới  - Cách nhìn nhận đúng đắn, khoa học vấn đề Thơ mới, cái nhìn tiến bộ xuất phát từ chính tâm hồn người viết.  **2. Nghệ thuật**  - Sự kết hợp hài hoà giữa tính khoa học và tính nghệ thuật  + Tính khoa học: Hệ thống luận điểm chuẩn xác, mới mẻ, sắp xếp mạch lạc. Dẫn chứng chọn lọc, lập luận chặt chẽ, thuyết phục. Sử dụng biện pháp so sánh đối chiếu ở cấp độ phù hợp, mang lại hiệu quả.  + Tính nghệ thuật: Lời văn thấm đẫm cảm xúc, giọng điệu thay đổi linh hoạt, cảm xúc người viết nồng nhiệt, gây truyền cảm, đồng cảm cao.  => Một cách viết văn nghị luận văn chương dễ hiểu mà rất tài hoa, tinh tế, hấp dẫn. |

**\* Hoạt động Luyện tập**

***a. Mục tiêu***

- HS biết cách vận dụng kiến thức vừa học câu hỏi cụ thể từ đó rèn luyện kĩ năng phân tích, cảm nhận văn học.

- HS biết cách nhận xét, đánh giá quan điểm của một nhà phê bình văn học để ghi

nhớ kiến thức bài học.

***b. Nội dung hoạt động***

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

- HS làm việc cá nhân và trình bày trước lớp.

- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

***c. Sản phẩm***

- Kết quả làm việc của HS.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***\* Tìm hiểu***  ***Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để thực hiện nội dung.  + Theo quan niệm của Hoài Thanh, chữ tôi và ta trong Thơ mới và thơ cũ có gì khác nhau?  ***Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ***  HS làm việc cá nhân vào giấy để chuẩn bị phát biểu.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV gọi HS lên phát biểu cảm nhận.  - GV cho HS đánh giá chéo lẫn nhau, bổ sung để hoàn thiện.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện***  - GV nhận xét, đánh giá và bổ sung theo Dự kiến sản phẩm. | - Sự khác biệt cơ bản giữa "cái tôi" Thị mới và "cái ta" thơ cũ là ở chỗ:  + Thơ cũ thường nói lên những suy tư, những cảm xúc chung của cả lớp người, loại người, kiểu người. "Cái tôi" nếu có cũng mượn bóng "cái ta" chung ấy.  + "Cái tôi" trong Thơ mới, nó đã đứng một mình, tự bộc bạch những gì sâu kín ngay bên trong bản thể của nó.  + Chữ “tôi” và chữ “ta” thể hiện ý thí bản thân mình, chữ “tôi” mang ý nghĩa tuyệt đối của nó.  + Chữ “ta” trong thơ cũ là cá nhân thức gắn với cộng đồng, đoàn thể. |

**\* Hoạt động Vận dụng**

***a. Mục tiêu***

- HS biết cách vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết một vấn đề thực tiễn.

- HS nhận thức được bài học cuộc sống qua một tác phẩm trữ tình được nhà thơ gửi gắm.

***b. Nội dung hoạt động***

- HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

- GV tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

***c. Sản phẩm***

Kết quả làm việc của HS.

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS*** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| ***Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để rút ra bài học:  + Qua văn bản, em hiểu được những gì về phong trào Thơ mới và lối phê bình của Hoài Thanh?|  ***Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc cá nhân để hoàn thành.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS lên trình bày kết quả làm việc.  - GV cho HS đánh giá chéo lẫn nhau, bổ sung để hoàn thiện.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV nhận xét, đánh giá và bổ sung theo *Dự kiến sản phẩm.* | ***- Hiểu biết về phong trào Thơ mới***  + Theo Hoài Thanh, khái niệm Thơ mới phải được hiểu là mới cả về mặt nội dung và hình thức, mà trước hết là về nội dung, thơ ca Việt Nam đi từ thời cổ điển *sang hiện đại là đi từ chữ “ta” đến chữ “tôi” (Một thời đại trong thi ca).*  + Ban đầu, Thơ mới được hiểu là thơ tự do nhưng đến chặng phát triển đỉnh cao của nó, khái niệm về Thơ mới được bổ sung và hoàn chỉnh.  + Thơ mới phản ánh cái “Tôi” cá nhân của người nghệ sĩ với tất cả các cung bậc phong phú đa dạng, phức tạp của nó thông qua hình thức nghệ thuật có nhiều đổi mới, cách tân nhằm phát huy cá tính sáng tạo độc đáo của mỗi người nghệ sĩ.  ***| - Lối văn phê bình của Hoài Thanh***  + Đặt vấn đề ngắn gọn, rõ ràng mang tinh minh triết.  + Dẫn dắt vấn đề khoa học, khéo léo và dễ hiểu, đảm bảo liền mạch trong hệ thống luận điểm.  + Câu văn nghị luận giàu chất thơ, có sức gợi cảm xúc, gây hứng thú cho người đọc.  + Nghệ thuật lí luận chặt chẽ, thấu đáo khoa học. |

**\* Kết nối đọc – viết**

***a. Mục tiêu***

- Rèn luyện cho học sinh kĩ năng viết một đoạn văn bàn về một vấn đề trong lái

phẩm được đặt ra.

- HS thực hành viết để củng cố kiến thức đã học trong văn bản.

*b. Nội dung*

- HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

***c. Sản phẩm***

+ Bài viết của học sinh.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | ***Sản phẩm dự kiến*** |
| ***Bước 1: GV giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc tại lớp để lập ý tưởng cho bài viết. Về nhà HS hoàn thiện.  *+ Hoài Thanh cho rằng: Các nhà thơ của phong trào Thơ mới đã “dồn tình*  yêu quê hương trong tình yêu tiếng *Việt”. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến này.*  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  HS làm việc cá nhân để hoàn thành viết đoạn.  ***Bước 3: Báo cáo sản phẩm***  *+ (Trước giờ học bài tiếp theo) Gv gọi HS lên trình bày sản phẩm, GV cùng HS theo dõi, góp ý và bổ* sung.  ***Bước 4: Đánh giá sản phẩm***  - GV cho HS đánh giá, nhận xét về đoạn văn học sinh đã viết. GV đánh giá theo yêu cầu viết đoạn văn. | ***\* HS có thể có nhiều cách trình bày song cần lưu ý khác nhau***  - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn.  - Biết cách triển khai đoạn văn.  *+ Mở đoạn:* Giới thiệu được khái quát về luận điểm: Thơ mới “dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt”.  *+ Thân đoạn:* Biết vận dụng lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề vai trò, vị trí của Thơ mới trong tình yêu quê hương qua tình yêu tiếng Việt.  *+ Kết đoạn:* Khẳng định được vấn đề. |

***Đoạn văn tham khảo***

Tình yêu quê hương đất nước là một nội dung mang phạm trù rộng, mỗi con người sinh ra trong mình đều mang một tình cảm sâu nặng với quê hương. Thơ mới ra đời trong thời buổi nhiễu nhương của xã hội, trong cuộc mưa Âu gió Mỹ hỗn loạn, xã hội thượng tầng bất ổn, đời sống người dân bơ vơ lạc lõng. Trước tình cảnh như vậy mỗi trí thức tìm cho mình một hướng rẽ riêng, người đấu tranh trực diện; kẻ ẩn náu thân mình bộc lộ tình yêu đất nước thầm kín. Trong tiểu luận phê bình “Một thời đại trong thi ca” khi nhận xét về phong trào Thơ mới, Hoài Thanh cho rằng: “*Các nhà thơ phong trào Thơ mới đã “dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt”.* Trong hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ, có nhiều cách biểu lộ lòng yêu nước.... Các nhà Thơ mới đành gửi lòng yêu nước thương nòi của mình vào tình yêu tiếng Việt. Họ dùng tiếng nói của dân tộc để sáng tác thơ, duy trì tiếng nói và các thể thơ mang hồn cốt dân tộc. Qua thơ, họ ngợi ca thiên nhiên đất nước, gửi gắm nỗi buồn mất nước, các nhà thơ mới đã phát triển, đổi mới ngôn từ, làm cho tiếng Việt trở nên rất phong phú, trong sáng, tinh tế, hiện đại. Trong khi văn học trung đại sáng tác văn học bằng chữ Hán, chữ Nôm (sáng tạo từ chữ Hán) và các thể thơ chủ yếu là Đường luật, thì các nhà Thơ mới làm thơ bằng tiếng Việt, chữ quốc ngữ, tôn vinh các thể thơ truyền thống như: thơ lục bát, thơ bốn chữ, thơ năm chữ... Họ coi tiếng nói của cha ông là là hương hoa quý giá, mang hồn thiêng dân tộc, nên đã trau chuốt từ ngữ, hình ảnh. Tình yêu tiếng Việt, yêu nghệ thuật thơ ca, yêu bản sắc văn hóa dân tộc của các nhà Thơ mới rất phong phú sâu sắc. Khi không thể thi thố tài năng cũng không kinh bang tế thế giúp đời trị quốc được thì tình yêu tiếng Việt được xem là một biểu hiện tinh tế của tình yêu quê hương đất nước.

**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết 31. ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

**-** Hiểu được sự cần thiết về việc đảm bảo tính nhất quán trong sử dụng ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết, tránh tình trạng lạc phong cách (dùng các phương tiện đặc trưng của ngôn ngữ nói vào ngôn ngữ viết và ngược lại).

- Nắm vững việc cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết thể hiện trong các tác phẩm văn xuôi; phân tích được hiệu quả cách sử dụng ngôn ngữ như vậy.

**2. Về năng lực:** Năng lực tạo lập văn bản, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác..**.**

**3. Về phẩm chất:** Chủ động, sáng tạo, trách nhiệm, yêu tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học liệu:** SGK, SBT Ngữ văn 11, KHBD, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS.

**c. Sản phẩm:** Trả lời một số câu hỏi mà GV đưa ra để dẫn vào bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Gv trình chiếu đoạn văn và yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 4, nhận xét cách sử dụng từ ngữ trong đoạn văn.**  Chúng ta hẳn ai cũng nghe nói về tập thơ ***Nhật kí trong tù*** của Hồ Chí Minh. Tập thơ gồm những bài được Bác làm trong lúc nhàn rỗi ở nhà lao cực khổ của bọn Tưởng Giới Thạch. Bác vốn chẳng thích làm thơ: “ngâm thơ ta vốn không ham…”. Nhưng trong hoàn cảnh nhà tù khổ sở, tăm tối, tâm hồn tác giả Hồ Chí Minh vẫn mang một vẻ đẹp lung linh. Vẻ đẹp ấy thể hiện rõ trong các bài thơ: **Chiều tối; Giải đi sớm; Mới ra tù, tập leo núi.**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ hoàn thành bài tập.  **B3. Báo cáo thảo luận:** - GV mời 2 – 3 HS trả lời  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **- Gv nhận xét, chốt lại kiến thức**  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong tiết học hôm trước chúng ta đã cùng nhau tìm hiểu khái niệm đặc trưng của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết qua ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp…. Đến bài học hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu về đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Từ đó rút ra những lưu ý khi sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. | **Bước 1: Nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  HS nghe câu hỏi, suy nghĩ.  **Bước 2: Trao đổi, thảo luận.**  HS trao đổi theo nhóm 4 người  **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận. HS cập nhật sản phẩm của hoạt động học.**  HS đại diện nhóm trả lời. HS ghi nhớ kiến thức về các vấn đề liên quan đến bài học (Dùng từ thiếu chính xác, không phù hợp đối tượng được nói đến như*: nhàn rỗi; chẳng thích làm thơ; vẻ đẹp lung linh...*.) -> hiện tượng lạc phong cách. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NHẬN BIẾT: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố một số kiến thức cơ bản về ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, từ đó giúp hs hiểu được thế nào là hiện tượng lạc phong cách.

**-** Giúp hs phân biệt được hện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết tronh – một biểu hiện sáng tạo trong ngôn ngữ văn xuôi.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** HS trả lời các kiến thức về đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **I. HÌNH THÀNH VÀ CỦNG CỐ KIẾN THỨC** | | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ: gv yêu cầu hs nhận xét cách sử dụng từ ngữ trong 2 đoạn văn sau:**  - Đoạn văn 1: Chí Phèo là truyện ngắn đỉnh nhất của Nam Cao. Tác phẩm đã miêu tả quá ư chân thực tâm lí của người nông dân trong xã hội cũ.  - Đoạn văn 2: Bà lão phấp phỏng bước theo con vào trong nhà. Đến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn. Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đục mà? Ai thế nhỉ?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe câu hỏi, trả lời  **B3. Báo cáo thảo luận:** GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | | **1. Xét ngữ liệu:**  - Đoạn văn 1: Người viết đã mắc lỗi phong cách khi sử dụng những từ ngữ mang đậm tính khẩu ngữ: “đỉnh”, “quá ư”.  - Đoạn văn 2: có sự xuất hiện của nhiều câu văn mang hình thức lời nửa trực tiếp. Lời của người kể chuyện nương theo ý thức của nhân vật, tái hiện những “tiếng nói” đang vang lên trong nhân vật. Một số cách diễn đạt mang dấu ấn của khẩu ngữ được bảo lưu trong lời kể: *Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đục mà?*  **2. Kết luận:**  - Tùy hoàn cảnh và mục đích giao tiếp chúng ta có thể sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Nhưng nếu đã sử dụng ngôn ngữ ở dạng nào thì cần đảm bảo sự nhất quán trong cách dùng từ ngữ đặt câu phù hợp với dạng đó.  - Trong tác phẩm truyện, sự mô phỏng, tái tạo ngôn ngữ nói bằng ngôn ngữ viết là một đối tượng khảo sát, nghiên cứu thú vị. Sự cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong văn bản nghệ thuật tạo ra một số hiện tượng đặc biệt về lời văn như lời nửa trực tiếp, lời độc thoại nội tâm, lời nhại…. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về tiếng việt

**b. Nội dung:** GV phát phiếu học tập, HS trả lời vào phiếu bài tập

**c. Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập trong phiếu bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **II. THỰC HÀNH** | | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên giao nhiệm vụ:  GV chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm thực hiện 1 bài tập , trả lời vào phiếu học tập.  ***Nhóm 1: Bài 1- Phiếu học tập số 1***   |  |  | | --- | --- | | Hãy tìm trong các bài viết của mình hoặc bạn bè một số trường hợp diễn đạt “giống văn nói” và đề xuất cách chỉnh sửa | | | Bài viết | Cách chỉnh sửa | | ………………..  ……………….  ……………….  ………………..  ……………….. | ……………….  ……………….  ……………….  ……………….  ………………. |   ***Nhóm 2: bài 2- Phiếu học tập số 2***   |  | | --- | | Tìm trong văn bản Chí Phèo những đoạn cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. | | …………………………………..  …………………………………..  …………………………………..  …………………………………..  ………………………………….. |   ***Nhóm 3: Bài 3- Phiếu học tập số 3***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Chọn một cảnh có hội thoại trong một bộ phim hoặc một chương trình trên truyền hình và nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói được thể hiện trong cảnh này. Từ đó đánh giá hiệu quả trình bày, truyền đạt thông tin bằng lời nói ở ví dụ mà bạn đã chọn. | | | | Chọn một cảnh hội thoại hoặc chương trình trên truyền hình | Nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói | Đánh giá hiệu quả trình bày, truyền đạt | | …………  …………  …………. | ………  ……….  ……… | ………  ………  ……… |   ***Nhóm 4: Bài 4- Phiếu học tập số 4***   |  |  | | --- | --- | | Thể hiện nội dung của hội thoại được chọn ở bài tập 3 bằng ngôn ngữ viết và nhận xét sự khác biệt về phương tiện ngôn ngữ biểu đạt trong hai trường hợp. | | | Chọn ở bài tập 3 bằng ngôn ngữ viết | Nhận xét sự khác biệt về phương tiện ngôn ngữ biểu đạt trong hai trường hợp. | | ………………..  ……………….  ……………….  ………………..  ……………….. | ……………….  ……………….  ……………….  ……………….  ………………. |   ***Nhóm 5: Bài 5- Phiếu học tập số 5***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Phân tích những ưu thế và giới hạn của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. | | | | | ngôn ngữ nói | | ngôn ngữ viết | | | Ưu thế | Giới hạn | Ưu thế | Giới hạn | | …………  …… | ………  ………  ……… | ………  ………  ……… | ………  ………  ……… |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh hoàn thành nhiệm vụ vào các phiếu học tập của mình  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Mỗi nhóm cử 1 đại diện trình bày sản phẩm của nhóm mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại vấn đề, nhận xét, đánh giá, bổ sung từng phiếu học tập. | | **Bài 1.** Học sinh trình bày sản phẩm của mình và chỉ ra một số trường hợp diễn đạt giống văn nói và đề xuất cách chỉnh sửa.  **Bài 2.** Trong văn bản Chí Phèo những đoạn có sự cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết là:  - Hắn vừa đi vừa chửi … cũng không ai biết…  - Hắn về lớp này trông khác hẳn … trông gớm chết.  - Họ bảo nhau … Ồ hắn kêu!  - Chỉ biết rằng thị … mang ra cho Chí Phèo.  - Hắn tự hỏi rồi tự trả lời … chỉ gây kẻ thù.  **Bài 3.** Học sinh trình chiếu một cảnh trong một bộ phim hoặc một chương trình trên truyền hình có đoạn hội thoại hội và nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói được thể hiện trong đoạn hội thoại đó. Từ đó đánh giá hiệu quả trình bày, truyền đạt thông tin bằng lời nói ở ví dụ mà học sinh đã chọn.  - Gợi ý nhận xét: Đặc điểm ngôn ngữ trong chương trình: Ngôn ngữ nói, được thể hiện bằng âm thanh, đây cũng là lời nói trong giao tiếp hằng ngày. Nhân vật giao tiếp trực tiếp, phản hồi tức khắc, có sự đổi vai. Có các phương tiện hỗ trợ: ngữ điệu, ánh mắt nét mặt, cử chỉ, điệu bộ…  - Đánh giá hiệu quả trình bày: Giúp cho người nghe dễ dàng nắm bắt thông tin, truyền đạt thông tin nhanh gọn. Người nghe có thể hiểu thêm về lời nói qua ngữ điệu, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,…  **Bài 4:**  Gợi ý nhận xét:  - Phương tiện ngôn ngữ nói: âm thanh. Phương tiện hỗ trợ: ngữ điệu, nét mặt ánh mắt, cử chỉ điệu bộ.  - Phương tiện ngôn ngữ viết: chữ viết. Phương tiện hỗ trợ dấu câu.  **Bài 5:**  1. Ngôn ngữ nói  - Ưu thế: Kết hợp giữa lời nói và cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ...làm tăng tính biểu cảm rõ nét hơn.  - Giới hạn: Diễn ra tức thời nên không có thời gian suy ngẫm, gọt giũa.  2. Ngôn ngữ viết  - Ưu thế: Có điều kiện suy ngẫm , gọt giũa, đọc lại, hướng đến tính chuẩn của ngôn ngữ  - Giới hạn: Không có sự hỗ trợ của ngôn ngữ phi lời nói. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Tìm từ ngữ thích hợp điền vào cột tương ứng

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Tìm từ ngữ thích hợp điền vào cột tương ứng**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngôn ngữ nói | Ngôn ngữ viết |
| …? | Sợ hãi |
| Lộn ruột, điên tiết, sôi máu… | …? |
| …? | Rất đẹp |
| Lười chảy thây, lười thối thây… | …? |
| …? | Vui mừng |

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

Học sinh hoàn thành nhiệm vụ vào các phiếu học tập của mình

**B3. Báo cáo thảo luận**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngôn ngữ nói** | **Ngôn ngữ viết** |
| Đứng tim, lạnh xương sống, hết hồn, hú vía… | Sợ hãi |
| Lộn ruột, điên tiết, sôi máu… | Bực tức |
| Đẹp mê hồn, đẹp ngất ngây, … | Rất đẹp |
| Lười chảy thây, lười thối thây… | Lười biếng |
| Vui hết nấc, vui bốc giời… | Vui mừng |

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

GV chốt lại vấn đề, nhận xét, đánh giá, bổ sung từng phiếu học tập.

**4. Củng cố:**

Khi nói hay viết cần theo đúng đặc trưng mỗi loại ngôn ngữ, đặc biệt là không dùng “văn nói” trong khi viết văn.

**5. HDVN:** Chuẩn bị bài Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội

- Tìm 1 số vấn đề có ý nghĩa từ cuộc sống hàng ngày.

- Đọc trước bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi

- Tìm hiểu trước phần thực hành viết

**BÀI 3: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**PHẦN 3. VIẾT**

**Tiết 32. VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**(Con người với cuộc sống xung quanh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh.

- Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lý lẽ sắc bén và những bằng chứng phù hợp, sinh động

- Dẫn được những ý kiến trái chiều về vấn đề, Thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lý lẽ sắc bén và bằng chứng phù hợp, sinh động

- Dẫn được những ý kiến trái chiều có thể có vì vấn đề được bàn luận để phản bác nhầm cùng cố lực lượng bài viết

- Rút ra được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề

**2. Về năng lự**c: Năng lực tạo lập văn bản, Năng lực tư duy, năng lực làm việc cá nhân, năng lực phản biện

**3. Về phẩm chất:** Chủ động, sáng tạo, có thái độ rõ ràng đối với những ý kiến trái chiều

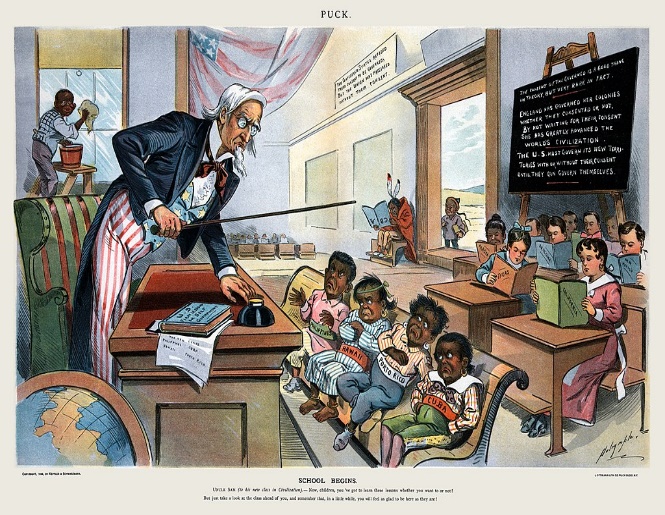
**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

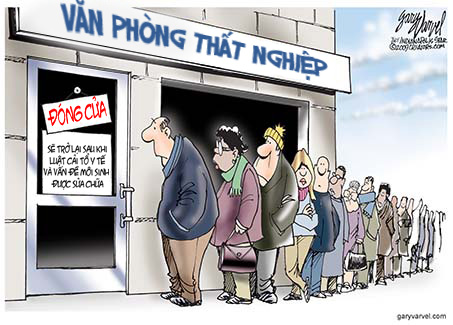
**1. Thiết bị dạy học:** Bảng, máy tính, máy chiếu, …

**2. Học liệu:** SGK, SGV, Phiếu học tập, tranh ảnh, …

* Một số bức tranh đưa vào slide cho HS quan sát:

  
Tranh về “an toàn giao thông” Tranh về “ô nhiễm môi trường”



Tranh về “phân biệt chủng tộc” Tranh về vấn đề “việc làm”

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**\*HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: HS biết huy động những trải nghiệm và kiến thức nền có liên quan tới việc tiếp nhận nội dung văn bản.

**b. Nội dung:** HS quan sát và phát biểu về vấn đề liên quan đến nội dung của từng bức tranh.

**c. Sản phẩm:**

- HS nhận biết được sự việc, nội dung mà các bức tranh thể hiện.

- HS phát hiện được vấn đề mà bức tranh đề cập tới.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho HS quan sát lần lượt các bức tranh đưa yêu cầu gợi suy đoán về các vấn đề được đề cập trong từng bức tranh.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và giơ tay phát biểu.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Câu trả lời của HS  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Sau mỗi câu trả lời của HS, GV đưa ra đáp án và dẫn dắt vào bài.  GV hỏi “Em có suy nghĩ gì về những vấn đề được nêu trên?”  GV nhận xét chung và gợi mở vấn đề cần chú ý.  + Cuộc sống xung quanh của chúng ta có rất nhiều vấn đề bức thiết đáng quan tâm.  + Con người cần biết quan tâm tới cuộc sống xung quanh và có cái nhìn nhận, đánh giá riêng về từng vấn đề.  Để bày tỏ được quan điểm, đánh giá riêng, chúng ta cần biết cách triển khai 1 văn bản nghị luận. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng học tiết... “Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội – Con người với cuộc sống xung quanh”. | -Bức tranh số 1: Vấn đề “An toàn giao thông”.  -Bức tranh số 2: Vấn đề “Ô nhiễm môi trường”.  -Bức tranh số 3: Vấn đề “Phân biệt chủng tộc”.  -Bức tranh số 4: Vấn đề “Việc làm”. |

**\*HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu Tri thức ngữ văn.**

**a**. **Mục tiêu**: HS biết huy động lí thuyết để vận dụng cho thực hành, phân tích văn bản và áp dụng vào bài viết.

**b. Nội dung:** HS tái hiện kiến thức về cấu trúc của văn bản nghị luận và các yếu tố bổ trợ.

**c. Sản phẩm:** HS nhắc lại được kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv hỏi: Cấu trúc của văn bản nghị luận bao gồm những yếu tố nào?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ và trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS giơ tay phát biểu.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Từ câu trả lời của HS, GV nhấn mạnh kiến thức và gợi mở nội dung tiếp theo. | -Cấu trúc văn bản nghị luận gồm:  + Luận đề.  + Luận điểm.  + Lí lẽ.  + Bằng chứng. |

**Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a**. **Mục tiêu**:

- HS thể hiện được khả năng đọc diễn cảm.

- HS nhận diện được kiểu loại văn bản.

- HS hiểu và phân tích được các yếu tố cấu thành cơ bản của văn bản.

**b. Nội dung:**

- Đọc văn bản.

- Xác định thể loại của văn bản và tính đặc thù của tiểu loại văn bản “Lắng nghe những tiếng thì thầm của cuộc sống”.

- Xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng của văn bản.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời về loại của văn bản và tiểu loại mà văn bản có thể được xếp vào.

- Câu trả lời về luận đề và luận điểm của văn bản (Phiếu học tập của HS làm trong 3 phút).

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giao nhiệm vụ học tập, hướng dẫn HS đọc thành tiếng VB.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc nối tiếp văn bản,khi đọc HScần thể hiện được sự tiếp nhận củacá nhân qua giọng đọc phù hợp vớitừng đoạn VB.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét chung về hoạt động đọc.  **HOẠT ĐỘNG 2: PHÂN TÍCH VĂN BẢN.**  **NHIỆM VỤ 1.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**   * Gv hỏi: VB “Lắng nghe những tiếng thì thầm của cuộc sống” thuộc loại văn bản gì? * Gv phát phiếu học tập. Sau 3 phút gọi bất kì HS trong lớp trả lời nhanh.  |  |  | | --- | --- | | 1. Vấn đề được bàn luận trong văn bản ? |  | | 2.Nêu các luận điểm được tiển khai trong văn bản? |  |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân trong 3 phút.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trả lời theo phiếu học tập.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đánh giá dựa trên mức độ hoàn thành bài tập của HS.  **NHIỆM VỤ 2.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 5 nhóm  - Mỗi nhóm sẽ phụ trách tìm luận cứ của một luận điểm trong văn bản mẫu.   |  |  | | --- | --- | | Luận điểm.... | Luận cứ, lí lẽ, bằng chứng | |  |  |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn thành phiếu học tập trong 05 phút.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Mỗi nhóm cử 1 đại diện lên trình bày bài tập.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Dựa trên mức độ hoàn thành bài tập, phần trình bày của đại diện mỗi nhóm.  -LĐ1: Bàn về nghĩa của từ “lắng nghe”.  -LĐ2: Bàn về việc lắng nghe những nỗi buồn vui của con người.  -LĐ3: Bàn về việc lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên qua trải nghiệm.  -LĐ4: Phản bác ý kiến trái chiều.  -LĐ5: Bàn về ý nghĩa của việc lắng nghe. | **-**Loại văn bản: Văn bản Nghị luận.  Phiếu học tập của HS trình bày trên giấy khổ lớn.  \*LĐ1: Bàn về nghĩa của từ “lắng nghe”.  - LC1: Lắng nghe trước hết thể hiện sự tập trung tiếp nhận âm thanh từ bên ngoài.  - LC2: Lắng nghe còn có nghĩa là thấu hiểu, đồng cảm.  - LC3: Biết lắng nghe có nghĩa là có khả năng sẻ chia với những nghĩ suy, tâm tư khát vọng của người khác…  \*LĐ2: Bàn về việc lắng nghe những nỗi buồn vui của con người.  - LC1: “Khi lắng nghe... Cung bậc tình cảm”  Dẫn chứng:  + Lời tâm sự của cô bé đang nằm trên giường bệnh.  + Tiếng thở dài của người nông dân.  + Nỗi mong mỏi được về quê của người lao động  - LC2: “Biết lắng nghe... Cảnh ngộ”  Dẫn chứng:  + Ta vui mừng...  + Ta đau buồn...  - LC3: “Lắng nghe... Biết nhường nào”  \*LĐ3: Bàn về việc lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên qua trải nghiệm.  -LC 1: “Thiên nhiên quanh ta cũng có tiếng nói riêng của nó”  Dẫn chứng: tiếng thì thầm của lá, giọt sương,...  -LC 2: Mỗi người cần lắng đọng để suy nghĩ khi đối diện với mẹ thiên nhiên vĩ đại...  \*LĐ4: Phản bác ý kiến trái chiều.  -Tác giả đưa ra câu hỏi liêu có thể bỏ qua “những tiếng thì thầm ấy”?  -Lợi ích: tránh được những phiền toái không liên quan.  -Tác hại: Cuộc đời sẽ nhạt nhẽo, toàn âm thanh ồn ã và chát chúa, sẽ không có sẻ chia và yêu thương, con người sẽ tẻ nhạt và cô đơn  \*LĐ5: Bàn về ý nghĩa của việc lắng nghe.  -LC 1: Lắng nghe sẽ giúp ta biết cảm nhận chân thực, biết chân quý những giá trị sống.  -LC 2: Lắng nghe sẽ nhận được những gửi trao đầy ắp yêu thương. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)**

**a**. **Mục tiêu**: HS viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

**b. Nội dung:** Viết bài văn nghị luận.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuẩn bị viết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS viết bài.  *- Từ trải nghiệm, suy nghĩ bản thân về cuộc sống; từ sách báo, các phương tiện truyền thông… sau đó chọn một vấn đề tâm đắc làm đề tài cho bài viết.*  *\* Gợi ý:*   * *Vì sao học sinh cần tham gia các hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở địa phương?* * *Cách tổ chức cuộc sống cá nhân có vai trò như thế nào trong việc hoàn thiện nhân cách?* * *Vệc tiếp thu ý kiến của người khác có mâu thuẫn với việc khẳng định tính tự chủ của bản thân?* * *Ý nghĩa của phát ngôn có trách nhiệm trong giao tiếp xã hội là gì?*   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS dựa vào các gợi ý để tìm hiểu vấn đề.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS báo cáo kết quả hoạt động.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đánh giá qua câu trả lời, sự sôi nổi, hứng thú của HS. | -Câu trả lời của HS. |

**\* Tìm ý, lập dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn, yêu cầu HS làm phiếu hoạc tập trong 05 phút để tìm ý cho bài viết.   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: PHIẾU TÌM Ý**  NHÓM/CÁ NHÂN:………… Lớp:………………  Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn nghị luận về vấn đề mình lựa chọn.  Gợi ý: | | | 1.Bài viết bàn luận về vấn đề gì? |  | | 2.Các khía cạnh của vấn đề bàn luận là... (tìm các luận điểm cho bài viết) |  | | 3. Tác động tích cực hay tiêu cực tới đời sống con người? |  | | 4. Tìm dẫn chứng cho vấn đề mình lựa chọn. |  | | 5. Đưa ra ý kiến trái chiều (phản bác ý kiến) |  | | 6. Ý nghĩa của vấn đề đối với cuộc sống |  |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ**: HS làm phiếu học tập trong 05 phút.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS báo cáo kết quả thực hiện hoạt động.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và hướng dẫn viết theo bố cục 3 phần mở bài, thân bài, kết bài. | **-**Phiếu học tập của HS.  **-Mở bài:** Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận.  Gợi ý: Có thể nêu vấn đề thông qua một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi nhận thức…  **-Thân bài:**  + Trình bày bản chất của vấn đề đời sống (Nêu quan điểm của người viết).  + Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau, bàn về các khía cạnh của vấn đề.  + Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều ( lí lẽ và bằng chứng)  + Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng.  **-Kết bài:** Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề. |

**\* Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG VIẾT.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS thực hiện viết bài ở nhà, chỉnh sửa và hoàn thiện vào tiết sau.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết bài.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Bài viết của HS.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **HOẠT ĐỘNG CHỈNH SỬA, HOÀN THIỆN**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  – Nhiệm vụ (1): Nhóm 2 HS trao đổi bài viết nghị luận cho nhau để đọc bài của bạn.  – Nhiệm vụ (2): Mời 1 HS đọc bài viết của mình trên lớp, các HS khác góp ý, trao đổi dựa vào bảng kiểm.   |  |  | | --- | --- | | **MẪU PHIẾU GÓP Ý** | | | Nội dung trao đổi về văn bản nghị luận | Câu trả lời | | Điều bạn làm tốt |  | | Kinh nghiệm học hỏi từ bạn |  | | Điều còn băn khoăn |  | | Phần đề xuất bạn chỉnh sửa |  |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc bài của bạn, lắng nghe bài của bạn và hoàn thiện phiếu góp ý.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  + HS ghi lại 3 điều học được từ quá trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.  + HS ghi lại 2 điều học hỏi được từ bài văn nghị luận của các bạn  + HS ghi lại 1 hoạt động dự định sẽ thực hiện sau tiết học để nâng cao kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đánh giá dựa trên bài viết của HS, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của HS, sự sôi nổi, hào hứng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. | **-**Bài viết của HS.  -Sự đóng góp ý kiến của các HS trong lớp về bài của bạn. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)**

**a**. **Mục tiêu**: HS chỉnh sửa, hoàn thiện, khắc phục được nhược điểm về bài viết của mình.

**b. Nội dung:** HS sửa lại bài viết của mình.

**c. Sản phẩm:** Bài viết đã được chỉnh sửa hoàn chỉnh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS chỉnh sửa lại bài viết của mình ở nhà.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn chỉnh bài viết.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | -Bài viết đã hoàn chỉnh của HS. |